

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, ông Nguyễn Duy
Chấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Đăk Mil.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:**
Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3
năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Thông báo mở
lại phiên tòa số 12/2024/TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 10/2024/QĐST-HN ngày 23 tháng 7 năm 2024.

Nguyên đơn: Chị **Phú Thị M** – sinh năm 1999.

Địa chỉ: **Tiểu khu B, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk** – Có đơn xin xét xử
vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Tô Văn L** – sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông** – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2024 và lời trình bày của nguyên đơn chị
P thị **M** trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh **Tô Văn L** kết hôn năm
2018, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông**.
Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu **Tô**
Thị Mai N, sinh ngày 10/2/2019. Về tài sản chung, nợ chung không có nên
không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị
làm đơn ly hôn với anh **Tô Văn L** sau khi kết hôn chung sống với nhau thì liên
tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, mâu
thuẫn ngày càng lớn. Hiện tại cả hai sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy
chị và anh **L** không thể tái hợp, tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên
chị xin ly hôn.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện và tại các phiên làm việc tại Tòa án, chị **Phún Thị M** có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Tô Thị Mai N**, sinh ngày 10/2/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Tô Văn L** trình bày: Anh đồng ý với toàn bộ lời khai của chị **Phún Thị M** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyện nhân mâu thuẫn.

Với yêu cầu khởi kiện của chị **Phún Thị M**: Về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị **Phún Thị M**. Về con chung, anh đồng ý để chị **Phún Thị M** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Tô Thị Mai N**, sinh ngày 10/2/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị **Phún Thị M** đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh **Tô Văn L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị **Phún Thị M** được ly hôn với anh **Tô Văn L**.

Về con chung: Giao cháu **Tô Thị Mai N**, sinh ngày 10/2/2019 cho chị **Phún Thị M** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị **Phún Thị M** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **Phún Thị M** yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Tô Văn L**, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại **Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 18/7/2024, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phún Thị M** và anh **Tô Văn L** kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; sau khi kết hôn đã liên tục xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung.

Theo Biên bản xác minh ngày 21/6/2024 tại **Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** người đại diện của địa phương cung cấp thông tin: “*Chị Phún Thị M và anh Tô Văn L đã sống ly thân từ năm 2021 nguyên nhân là do cuộc sống tình cảm của vợ chồng không hòa hợp*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, các bên đều không tìm lại được tiếng nói chung, dẫn đến mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phún Thị M**, xử cho chị **Phún Thị M** được ly hôn với anh **Tô Văn L** là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị **Phún Thị M** và anh **Tô Văn L** có 01 con chung là **Tô Thị Mai N**, sinh ngày 10/2/2019.

Hiện nay, con chung đang được chị **M** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị **Phún Thị M** có nguyện vọng nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung là cháu **Tô Thị Mai N**, sinh ngày 10/2/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh **Tô Văn L** đồng ý để chị **M** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Đồng thời, con chung cần được đảm bảo về chỗ ở, học tập ổn định, do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu **Tô Thị Mai N**, sinh ngày 10/2/2019 cho chị **Phún Thị M** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đảm bảo cho việc học tập cũng như phát triển toàn diện của cháu.

Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh **Tô Văn L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST: Chị **Phú Thị M** phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Phú Thị M**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phú Thị M** được ly hôn với anh **Tô Văn L**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Tô Thị Mai N**, sinh ngày 10/2/2019 cho chị **Phú Thị M** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí DSST: Chị **Phú Thị M** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005801 ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- STP tỉnh Đăk Nông;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA huyện Đắk Mil;
- UBND xã Long Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng

